

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 20/2024/QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 01 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Quy định việc tổ chức thực hiện dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021–2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1879/TTr-SXD ngày 18 tháng 7 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định việc quản lý và tổ chức thực hiện dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng dự án thực hiện theo cơ chế đặc thù thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Điều 3. Dự án đầu tư xây dựng áp dụng theo cơ chế đặc thù

1. Danh mục loại dự án áp dụng cơ chế đặc thù

a) Đường giao thông áp (đường trục áp, đường liên áp; công trình cầu trục áp, cầu liên áp). Không áp dụng đối với các dự án, công trình đường giao thông từ huyện về trung tâm xã, liên xã;

b) Công trình thủy lợi nhỏ (những tuyến kênh, mương, cống do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý);

c) Phòng học mầm non, tiểu học, trung học cơ sở;

d) Nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng, khu thể thao xã, ấp;

đ) Trạm y tế xã;

e) Nhà ở cho đồng bào dân tộc thiểu số;

g) Công trình phục vụ nước sinh hoạt cho người dân trên địa bàn ấp.

2. Trường hợp dự án thuộc danh mục loại dự án áp dụng cơ chế đặc thù nhưng Ủy ban nhân dân cấp xã lựa chọn không áp dụng cơ chế đặc thù, thì Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề xuất gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

Điều 4. Xây dựng, ban hành thiết kế mẫu, thiết kế điển hình

1. Sở Xây dựng xây dựng và ban hành thiết kế mẫu, thiết kế điển hình đối với loại dự án quy định tại các điểm c, d, đ, e khoản 1 Điều 3 Quyết định này.

2. Sở Giao thông vận tải xây dựng và ban hành thiết kế mẫu, thiết kế điển hình đối với loại dự án quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Quyết định này.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng và ban hành thiết kế mẫu, thiết kế điển hình đối với loại dự án quy định tại điểm b, g khoản 1 Điều 3 Quyết định này.

Điều 5. Chủ đầu tư dự án, Ban quản lý xã

1. Ủy ban nhân dân cấp xã là chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập Ban quản lý xã, phường, thị trấn (gọi chung là Ban quản lý xã) để quản lý các hoạt động đầu tư, xây dựng dự án theo cơ chế đặc thù.

Thành viên Ban quản lý xã thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 15 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP.

Ban quản lý xã được sử dụng con dấu và tài khoản của Ủy ban nhân dân cấp xã để thực hiện các giao dịch trong quá trình tổ chức, thực hiện dự án.

Điều 6. Quản lý nguồn vốn người dân đóng góp và nguồn vốn huy động hợp pháp khác để thực hiện dự án

1. Đối với phần vốn đóng góp của người dân và nguồn vốn huy động hợp pháp khác bằng tiền, Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận và giao Ban quản lý xã quản lý, sử dụng đầu tư cho dự án.

2. Đối với phần vốn đóng góp của người dân và nguồn huy động hợp pháp khác bằng hiện vật hoặc ngày công lao động, Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ vào số lượng và giá trị hiện vật đóng góp, số lượng ngày công lao động đóng góp và đơn giá nhân công tại thời điểm lập Hồ sơ xây dựng công trình để quy đổi thành tiền. Giá trị phần đóng góp quy đổi thành tiền được tính vào giá trị công trình khi lập Hồ sơ xây dựng công trình; làm cơ sở để theo dõi và quản lý tỷ lệ đóng góp trong quá trình thực hiện dự án; không hạch toán vào thu chi ngân sách nhà nước.

Khi quy đổi giá trị phần đóng góp bằng hiện vật, Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập Hội đồng để xác định giá trị hiện vật (thành tiền). Thành viên Hội đồng gồm đại diện chính quyền, đoàn thể trong đơn vị cấp xã và Ban giám sát đầu tư cộng đồng. Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận hiện vật đóng góp và giao cho Ban quản lý xã quản lý, sử dụng đầu tư cho dự án.

Điều 7. Lập, thẩm định và phê duyệt Hồ sơ xây dựng công trình

Lập, thẩm định và phê duyệt Hồ sơ xây dựng công trình thực hiện theo quy định tại Điều 15, Điều 16 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

Điều 8. Áp dụng chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, hỗ trợ quản lý dự án

Chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, hỗ trợ quản lý dự án thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng và các Thông tư của Bộ Xây dựng: Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 về ban hành định mức xây dựng và Thông tư 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình.

Điều 9. Lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu xây dựng dự án theo cơ chế đặc thù

1. Lập, thẩm định, phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu xây dựng:

a) Ban Quản lý xã lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu cùng với lập Hồ sơ xây dựng công trình, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt làm căn cứ để tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu xây dựng;

b) Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu xây lắp được Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thẩm định cùng với Hồ sơ xây dựng công trình làm cơ sở để Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt;

c) Nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định tại Điều 39 Luật Đấu thầu năm 2023, trong đó hình thức lựa chọn nhà thầu là: Tham gia thực hiện theo cộng đồng.

2. Quy trình lựa chọn nhà thầu:

a) Quy trình lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 17 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP;

b) Nhà thầu được lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện:

Có tư cách hợp lệ theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP;

Có năng lực, kinh nghiệm phù hợp với tính chất của gói thầu;

Có giá dự thầu thấp nhất và tiến độ thực hiện đáp ứng tiến độ của gói thầu;

Trường hợp các nhà thầu tham dự thầu được đánh giá có tư cách hợp lệ, có năng lực, kinh nghiệm và đề xuất tiến độ đáp ứng được yêu cầu của gói thầu, có giá dự thầu ngang nhau thì ưu tiên nhà thầu sử dụng lao động là người dân thuộc đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người đồng bào dân tộc thiểu số.

c) Thương thảo, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, ký kết hợp đồng:

Ban quản lý xã thương thảo hợp đồng với nhà thầu tốt nhất trên cơ sở kết quả đánh giá lựa chọn nhà thầu và dự thảo hợp đồng gói thầu; trình Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;

Ban quản lý xã ký kết hợp đồng với nhà thầu được lựa chọn.

3. Trường hợp cộng đồng dân cư hưởng lợi trực tiếp có đủ năng lực quản lý và thi công xây dựng công trình, Ủy ban nhân dân cấp xã được lựa chọn cơ chế giao cho cộng đồng dân cư tự thực hiện đối với dự án có tổng mức đầu tư dưới 500 triệu đồng và phân vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa không quá 70% trong tổng mức đầu tư dự án (đối với các xã, thôn đặc biệt khó khăn ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 100% tổng mức đầu tư dự án).

Điều 10. Tổ chức thi công, nghiệm thu công trình và thanh toán, quyết toán dự án

1. Tổ chức thi công, quản lý chất lượng, giám sát thi công công trình thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 18 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP.

2. Tổ chức nghiệm thu, thanh toán, quyết toán công trình thực hiện theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 18 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP đã được bổ sung khoản 9 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP.

Điều 11. Quản lý vận hành và bảo trì công trình được đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù

Quản lý vận hành và bảo trì công trình xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP. Nội dung quy trình bảo trì mẫu theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 12. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành, cơ quan chủ trì thực hiện chương trình, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan phổ biến, hướng dẫn, theo dõi kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

2. Các Sở: Xây dựng, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn, kiểm tra các địa phương áp dụng các thiết kế mẫu, thiết kế điển hình; công tác thi công, nghiệm thu công trình đối với các loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù theo đúng quy định.

3. Sở Tài chính hướng dẫn các địa phương thực hiện việc quản lý, thanh toán, quyết toán công trình theo cơ chế đặc thù; tổ chức kiểm tra định kỳ và đột xuất tình hình sử dụng nguồn kinh phí các Chương trình mục tiêu quốc gia của các cơ quan, đơn vị.

4. Các cơ quan chủ trì thực hiện Chương trình (Ban Dân tộc, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội) tổ chức quản lý, hướng dẫn các địa phương thực hiện cơ chế đặc thù theo đúng quy định; định kỳ hằng quý tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện cơ chế đặc thù của Chương trình được phân công quản lý.

5. Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước được giao trong việc thực hiện Quyết định này; có trách nhiệm cử cán bộ chuyên môn hỗ trợ Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc lập, thẩm định hồ sơ xây dựng công trình khi có đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã.

6. Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm:

a) Xây dựng kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm và hằng năm trên địa bàn xã theo mục tiêu, nhiệm vụ và các quy định hiện hành; chịu trách nhiệm toàn diện về chất lượng, tiến độ, hiệu quả của

dự án, chính sách thuộc Kế hoạch thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn quản lý, xây dựng kế hoạch bảo trì công trình được đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP.

b) Chịu trách nhiệm về việc xác định đối tượng thụ hưởng các chính sách, dự án thuộc Kế hoạch được triển khai trên địa bàn; thông báo công khai, minh bạch về đối tượng thụ hưởng, mức vốn kế hoạch, quyết toán kinh phí từng năm và cả giai đoạn của các Chương trình mục tiêu quốc gia.

c) Tổ chức huy động, quản lý, sử dụng, thanh quyết toán nguồn kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia theo đúng quy định. Quản lý, bảo vệ và sử dụng có hiệu quả công trình trên địa bàn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia sau khi hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng.

d) Tuyên truyền, vận động sự tham gia cộng đồng dân cư trong quá trình lập và tổ chức thực hiện kế hoạch; đồng thời phát huy vai trò giám sát của cộng đồng đối với Kế hoạch thực hiện từng chương trình.

đ) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ (hàng năm, giữa kỳ, kết thúc chương trình) hoặc đột xuất cho cấp có thẩm quyền khi có yêu cầu.

Điều 13. Điều khoản thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc (thủ trưởng) các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 12 tháng 8 năm 2024./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Lâm Minh Thành

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 20/2024/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

NỘI DUNG QUY TRÌNH BẢO TRÌ MẪU**1. Đối tượng, phương pháp và tần suất kiểm tra công trình:**

STT	Đối tượng	Phương pháp kiểm tra	Tần suất kiểm tra	
			Thường xuyên	Định kỳ
..

2. Nội dung và chỉ dẫn thực hiện bảo dưỡng công trình phù hợp với từng bộ phận công trình, loại công trình và thiết bị lắp đặt vào công trình:

STT	Tên hạng mục	Chu kỳ		Mô tả công việc	
		Bảo dưỡng	Bảo trì	Bảo dưỡng	Sửa chữa định kỳ
...

3. Thời điểm và chỉ dẫn thay thế định kỳ các thiết bị lắp đặt vào công trình:
Thực hiện theo quy định, tài liệu hướng dẫn của nhà sản xuất, cung cấp thiết bị.**4. Chỉ dẫn phương pháp sửa chữa các hư hỏng của công trình, xử lý các trường hợp công trình bị xuống cấp:**

STT	Phân loại hư hỏng	Phương pháp khắc phục
...

5. Thời gian sử dụng của công trình, các bộ phận, hạng mục công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình:

Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xây dựng công trình xác định thời hạn sử dụng của công trình theo hồ sơ thiết kế xây dựng công trình và quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng cho công trình. Đối với thiết bị lắp đặt vào công trình: Thực hiện theo quy định, tài liệu hướng dẫn của nhà sản xuất, cung cấp thiết bị.

6. Các chỉ dẫn khác liên quan đến bảo trì công trình xây dựng và quy định các điều kiện nhằm bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện bảo trì công trình xây dựng:

1. Quá trình thực hiện bảo trì phải đảm bảo an toàn cho công trình xây dựng và khu vực lân cận.

2. Quá trình thực hiện bảo trì phải đảm bảo vệ sinh, môi trường trong và ngoài công trình xây dựng.